TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẢI HẬU** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 01/2023/KDTM-ST Ngày: 17-02-2023 *V/v: "Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Hòe.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Việt Hùng;

Ông Phạm Văn Lịch.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Hồng Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Ngày 17 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2022/TLST-KDTM ngày 01 tháng 11 năm 2022 về "Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐXXST-KDTM ngày 19 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Công ty C (Công ty C). Địa chỉ: Tầng 28, cao ốc Saigon Trade Centre, 37 T, phường B, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người đại diện theo pháp luật*: Ông Wu, Chi- Chang. Chức vụ: Tổng giám đốc.

- *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Mai Đức Q, sinh năm 1995- Nhân viên thu hồi công nợ. Địa chỉ: Tầng 20, tháp CEO, lô HH2-1, đường PP, phường M, quận N, thành phố Hà Nội.

- **Bị đơn:** Công ty Trách nhiệm hữu hạn (TNHH) thương mại Thủy sản M (Công ty M). Địa chỉ: Xóm 3 (xóm Bắc cũ), xã HX, huyện HH, tỉnh Nam Định.

- *Người đại diện theo pháp luật*: Ông Hoàng Văn Kh, sinh năm 1978- Địa chỉ: Xóm 3 (xóm Bắc cũ), xã HX, huyện HH, tỉnh Nam Định

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**: Vợ chồng ông Hoàng Văn Kh, sinh năm 1978 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1977. Cùng có địa chỉ: Xóm 3 (xóm Bắc cũ), HX, huyện HH, tỉnh Nam Định

(Có mặt ông Q; ông Kh, bà L vắng mặt có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện đề ngày 09-12-2021; đơn khởi kiện bổ sung ngày 24-10-2022 và quá trình tố tụng tại Tòa án, Công ty C (Công ty C) và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 21/12/2020, Công ty TNHH Thương mại Thủy sản Mvà Công ty C đã ký kết Hợp đồng cho thuê tài chính số B2012147C2 (gọi tắt là *"Hợp đồng thuê*"). Theo đó, tài sản mà Công ty M có nhu cầu thuê tài chính là: 01 máy nén ChiaShing, model: VZ; 01 dàn ngưng tụ 640Kw; 04 tủ đông; 01 tủ điện điều khiển trung tâm; 02 máy nén Sanyo 10HP ; 02 dàn nóng Meluck 20HP; 02 dàn lạnh Supcool 20HP. Ngày 12/01/2021, Công ty C đã ký hợp đồng mua bán tài sản ngày 12/01/2021, bàn giao cho Công ty Mthuê các tài sản như đã nêu tại Hợp đồng. Công ty M đã ký bàn giao và nghiệm thu tài sản thuê vào ngày 13/01/2021. Tổng giá trị của các tài sản cho thuê tài chính là 2.876.500.000 đồng, trong đó, Công ty Mtrả trước 719.125.000 đồng; Công ty C tài trợ vốn là 2.157.375.000 đồng ("*Nợ gốc*"). Thời hạn thuê là 40 tháng, kể từ ngày 20/01/2021 đến ngày 15/5/2024. Lãi suất thuê theo quy định của Hợp đồng thuê là lãi suất thả nổi, được tính dựa trên lãi suất tiêu chuẩn VND của Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease cộng với biên độ là 7.27%, lãi suất tính tại thời điểm bắt đầu thuê là 5.96% + 7.27% = 13.23%/năm. Ngoài ra, tại Điều 6 Hợp đồng cho thuê còn thỏa thuận, trường hợp Công ty Mkhông thanh toán vốn gốc và thuế GTGT đúng hạn thì công ty Mcòn phải thanh toán tiền lãi quá hạn bằng 1.5 lần lãi suất trong hạn; không thanh toán tiền lãi thuê đúng hạn thì phải thanh toán tiền lãi chậm thanh toán với mức 10%/năm. Hợp đồng thuê được đăng ký giao dịch bảo đảm vào ngày 20/01/2021. Hàng tháng, Công ty Mphải thanh toán cho Công ty C tiền thuê bao gồm một phần vốn gốc và khoản tiền lãi được tính trên dư nợ giảm dần cho đến khi trả đủ số tiền gốc mà Công ty C đã tài trợ cùng các khoản lãi theo Hợp đồng thuê.

Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán tiền thuê của Công ty M theo Hợp đồng thuê, Công ty C chấp nhận các thư bảo lãnh thanh toán của ông Hoàng Văn Kh và bà Nguyễn Thị L ký vào ngày 21/12/2020. Theo đó, trường hợp Công ty M không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê theo Hợp đồng thuê, ông Hoàng Văn Kh và bà Nguyễn Thị L cam kết sẽ thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê

thay cho Công ty Minh Đức.

Ngoài ra, ngày 23/12/2020, Công ty M và Công ty C đã ký Hợp đồng thế chấp với nội dung: Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ, Công ty Mđồng ý thế chấp cho Công ty C các loại máy móc thiết bị gồm: 01 dàn lạnh 70HP; 01 bầu chứa, thấp áp, trung gian và van chặn; 01 bơm dịch TEIKOKU. Hợp đồng thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 20/01/2021.

Quá trình thực hiện Hợp đồng thuê, Công ty M chỉ thanh toán cho Công ty C 1 kỳ tiền thuê duy nhất vào ngày 24/02/2021 với số tiền là 74.548.000 đồng. Kể từ kỳ thanh toán tiếp theo, Công ty M ngừng thanh toán cho Công ty C. Công ty C đã phát hành Thông báo số 01.2021/TB-MDKG về việc chấm dứt Hợp đồng thuê và thu hồi tài sản thuê, yêu cầu Công ty M thanh toán tổng số tiền còn thiếu theo Hợp đồng thuê tính đến ngày 14/5/2021 (ngày chính thức chấm dứt Hợp đồng thuê) với số tiền là 2.630.516.278 đồng.

Sau khi chấm dứt Hợp đồng thuê, Công ty C đã nhiều lần liên hệ để yêu cầu Công ty Mthanh toán nợ gốc và lãi. Tuy nhiên, Công ty M không thanh toán thêm bất kỳ khoản nợ nào, không đồng ý giao trả tài sản thuê cho Công ty C.

Ngày 24/5/2021, Công ty C phát hành thông báo số 02.2021/TB-MDKG gửi người bảo lãnh là ông Kh và bà L để yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thanh toán thay cho Công ty M nhưng người bảo lãnh là ông Kh và bà L đều không hợp tác để giải quyết các khoản nợ.

Vì vậy, Công ty C khởi kiện yêu cầu giải quyết những nội dung sau:

Buộc Công ty Mcó nghĩa vụ thanh toán cho Công ty C số tiền thuê còn nợ tính đến ngày 17/02/2023 là 3.053.480.283 đồng (bằng chữ: ba tỷ, không trăm năm mươi ba triệu, bốn trăm tám mươi nghìn, hai trăm tám mươi ba đồng), trong đó: Nợ gốc 2.103.440.625 đồng; nợ lãi là: 527.075.653 đồng; lãi chậm trả 422.964.005 đồng.

Kể từ ngày 18-02-2023, ngoài nợ gốc, Công ty M còn phải thanh toán cho Công ty C tiền lãi phát sinh tính trên nợ gốc với các mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng cho thuê tài chính cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Trường hợp khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực, Công ty M không trả hoặc trả không đủ nợ thì Công ty C được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản đối với toàn bộ tài sản cho thuê tài chính gồm: 01 máy nén ChiaShing, model: VZ; 01 dàn ngưng tụ 640Kw; 04 tủ đông; 01 tủ điện điều khiển trung tâm; 02 máy nén Sanyo 10HP ; 02 dàn nóng Meluck

20HP; 02 dàn lạnh Supcool 20HP và tài sản thế chấp gồm: 01 dàn lạnh 70HP; 01 bầu chứa, thấp áp, trung gian và van chặn; 01 bơm dịch TEIKOKU.

Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mãi tài sản không đủ thanh toán nợ, buộc Người bảo lãnh là ông Hoàng Văn Kh và bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ liên đới thanh toán số nợ còn lại cho Công ty C cho đến khi Công ty Mthanh toán hết toàn bộ số tiền thuê còn nợ.

*Tại bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng, ông Kh, bà L công nhận công ty Mcó nợ gốc và lãi như Công ty C trình bày; công nhận việc thuê tài sản, thế chấp tài sản, bảo lãnh đảm bảo thực hiện nghĩa vụ như Công ty C đã trình bày. Tuy nhiên, theo ông Kh: Do hiện nay Công ty C đang niêm phong các tài sản thuê nên Công ty Mkhông hoạt động được nên không có tiền trả các khoản lãi. Vì vậy, nếu Công ty C không niêm phong tài thuê để Công ty Mtiếp tục sử dụng tài sản thuê thì ông Kh đồng ý trả lãi cho Công ty C. Nếu không chấp nhận theo nguyện vọng của ông Kh thì Công ty Mkhông đồng ý trả lãi cho Công ty C. Ông Kh đề nghị công ty Công ty C có phương án giãn nợ để Công ty Mvà ông Kh, bà L có điều kiện trả nợ.

*Tại bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng, bà L công nhận có ký thư bảo lãnh do Công ty C phát hành; công nhận Công ty Mcòn nợ Công ty C các khoản nợ gốc, nợ lãi; công nhận đã nhận các Thông báo của Công ty C như nguyên đơn trình bày trong quá trình tố tụng. Do điều kiện kinh tế khó khăn, công ty Mkhông hoạt động được do máy móc, thiết bị, nhà xưởng đang bị niêm phong. Vì vậy, bà L cùng ý kiến đề nghị của ông Kh, đề nghị Công ty C có phương án giãn nợ để Công ty Mvà ông Kh, bà L có điều kiện trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Quá trình giải quyết vụ án, ông Kh, bà L xin giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Kh, bà L là phù hợp quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Xét hợp đồng cho thuê tài chính số* B2012147C2 *ngày 21/12/2020*:

Công ty C và Công ty Mđều là các pháp nhân có đăng ký kinh doanh; việc ký hợp đồng, phụ lục hợp đồng và các văn bản khác thể hiện ý chí tự nguyện của các bên trên cơ sở nhu cầu, kế hoạch phát triển kinh doanh của doanh nghiệp; nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội; hình

thức hợp đồng đảm bảo các điều kiện theo quy định pháp luật. Do đó, Hợp đồng cho thuê tài chính số B2012147C2 ngày 21/12/2020 được ký kết giữa Công ty C - Công ty Mvà các văn bản bộ phận kèm theo đều hợp pháp, các bên đã tham gia ký kết đều phải có nghĩa vụ tôn trọng và thực hiện.

[3] *Xét các yêu cầu của nguyên đơn:*

3.1. Đối với yêu cầu buộc Công ty Mphải trả khoản tiền thuê còn nợ, bao gồm cả nợ gốc và nợ lãi:

Tại Điều 6 Hợp đồng cho thuê tài chính số B2012147C2 ngày 21/12/2020 và phụ lục số 01 có đính kèm lịch trình thanh toán tiền thuê thể hiện: Dư nợ cho thuê là 2.157.375.000đ, thời hạn thuê 40 tháng kể từ ngày 20/01/2021 đến ngày 15/5/2024, phương thức thanh toán trả hàng tháng; lãi suất thuê theo quy định của Hợp đồng thuê là lãi suất thả nổi, được tính dựa trên lãi suất tiêu chuẩn VND của Công ty C cộng với biên độ là 7.27%, lãi suất tính tại thời điểm bắt đầu thuê là 5.96% + 7.27% = 13.23%/năm. Quá trình thực hiện Hợp đồng thuê, Công ty Mchỉ thanh toán cho Công ty C 1 kỳ tiền thuê duy nhất vào ngày 24/02/2021 với số tiền là 74.548.000 đồng. Kể từ kỳ thanh toán tiếp theo, Công ty Mngừng thanh toán cho Công ty C. Công ty C đã phát hành Thông báo số 01.2021/TB-MDKG về việc chấm dứt Hợp đồng thuê và thu hồi tài sản thuê, yêu cầu Công ty Mthanh toán tổng số tiền còn thiếu theo Hợp đồng thuê tính đến ngày 14/5/2021 (ngày chính thức chấm dứt Hợp đồng thuê) với số tiền là 2.630.516.278 đồng. Cũng tại Điều 26 Hợp đồng thuê, các bên đã thỏa thuận: Sau khi nhận được thông báo về việc chấm dứt Hợp đồng thuê, trong thoài hạn 03 ngày kể từ ngày nhận thông báo, Công ty Mphải thanh toán ngay cho Công ty C các khoản phải thu, nếu không thanh toán được thì Công ty Mcòn phải thanh toán thêm tiền lãi chậm trả….Trường hợp Công ty Mkhông thanh toán vốn gốc và thuế GTGT đúng hạn thì công ty Mcòn phải thanh toán tiền lãi quá hạn bằng 1.5 lần lãi suất trong hạn; không thanh toán tiền lãi thuê đúng hạn thì phải thanh toán tiền lãi chậm thanh toán với mức 10%/năm. Trên cơ sở các thỏa thuận tại Hợp đồng, do Công ty Mvi phạm nghĩa vụ nên Công ty C đề nghị Tòa án buộc Công ty Mphải trả số tiền còn nợ tính đến ngày 17/02/2023 là 3.053.480.283 đồng (bằng chữ: ba tỷ, không trăm năm mươi ba triệu, bốn trăm tám mươi nghìn, hai trăm tám mươi ba đồng), trong đó: Nợ gốc 2.103.440.625 đồng, nợ lãi 527.075.653 đồng; tiền lãi chậm trả 422.964.005 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo pháp luật của Công ty Mông Hoàng Văn Kh công nhận khoản tiền thuê gốc Công ty Mcòn nợ Công ty C. Do công ty Chailease niêm phong nhà xưởng, máy móc khiến Công ty Mkhông

phát triển sản xuất được nên không nhất trí trả lãi theo yêu cầu của Công ty C. Xét việc tính lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm thanh toán, lãi chậm trả như Công ty C đã yêu cầu phù hợp với quy định của pháp luật và thỏa thuận của các bên tại Điều 6 Hợp đồng cho thuê số B2012147C2 ngày 21/12/2020. Công ty Mkhông nhất trí trả lãi nhưng không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ. Do đó, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của Công ty C, buộc công ty Mphải trả nợ cho Công ty C số tiền nợ gốc còn lại 2.103.440.625 đồng; nợ lãi 527.075.653 đồng; tiền lãi chậm trả 422.964.005 đồng; tổng cộng 3.053.480.283 đ là phù hợp pháp luật.

3.2. Đối với yêu cầu buộc công ty Mphải tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng kể từ ngày có bản án, quyết định của tòa án cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ:

Tại điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm đã quy định: "Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật". Tại Điều 6 Hợp đồng cho thuê tài chính B2012147C2 ngày 21/12/2020 và phụ lục số 01 Hợp đồng mà hai bên đã ký kết có thỏa thuận về lãi suất, lãi suất tại thời điểm nhận nợ và lãi suất điều chỉnh hàng năm. Xét mức lãi suất mà Công ty C áp dụng cho các khoản thuê và các khoản tiền thuê còn lại đang thực hiện là phù hợp với thỏa thuận của các bên khi giao kết hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành. Do đó, yêu cầu của Công ty C về việc đề nghị Tòa án tuyên buộc công ty Mphải tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng kể từ ngày có bản án, quyết định của tòa án cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ là hợp pháp, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

*3.3 Đối với yêu cầu đề nghị Tòa án tuyên trong bản án nội dung: "*Trường hợp khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực, Công ty TNHH Thương mại Thủy sản Mkhông trả hoặc trả không đủ nợ thì Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản toàn bộ tài sản cho thuê tài chính gồm: 01 máy nén ChiaShing, model: VZ; 01 dàn ngưng tụ 640Kw; 04 tủ đông; 01 tủ điện điều khiển trung tâm; 02 máy nén Sanyo 10HP ; 02 dàn nóng Meluck 20HP; 02 dàn lạnh Supcool 20HP và tài sản thế chấp gồm: 01 dàn lạnh 70HP; 01 bầu chứa, thấp áp, trung gian và van chặn; 01 bơm dịch TEIKOKU.

Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mãi tài sản không đủ thanh toán nợ nêu trên, buộc người bảo lãnh là ông Hoàng Văn Kh và bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Công ty C cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền thuê còn nợ."

Theo các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện: Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán tiền thuê của Công ty Minh Đức, Công ty C chấp nhận các thư bảo lãnh thanh toán của ông Hoàng Văn Kh và bà Nguyễn Thị L ký vào ngày 21/12/2020. Theo đó, trường hợp Công ty Mkhông thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê theo các Hợp đồng thuê, ông Hoàng Văn Kh và bà Nguyễn Thị L cam kết sẽ thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê thay cho Công ty Minh Đức.

Ngoài ra, ngày 23/12/2020, Công ty Mvà Công ty C đã ký Hợp đồng thế chấp để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Hợp đồng thuê đã ký. Tài sản thế chấp gồm: 01 dàn lạnh 70HP; 01 bầu chứa, thấp áp, trung gian và van chặn; 01 bơm dịch TEIKOKU. Hợp đồng thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm vào ngày 20/01/2021.

Xét hợp đồng thế chấp, thư bảo lãnh mà các bên đã ký kết có nội dung, hình thức phù hợp với quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, ông Kh, bà L không có ý kiến gì về hợp đồng thế chấp và các thư bảo lãnh. Do Công ty Mvi phạm nghĩa vụ trả nợ nên căn cứ Điều 299 Bộ luật Dân sự, Công ty C có quyền được yêu cầu xử lý tài sản Công ty Mdùng làm tài sản bảo đảm và yêu cầu người bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo Điều 339 Bộ luật Dân sự và Thư bảo lãnh là phù hợp, cần được chấp nhận.

[4] *Về án phí:*

Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Nguyên đơn không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 299, 317, 320, 322, 323, 385, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 9, Điều 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTPTANDTC ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật

về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; các Điều 30, 35, 147, 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty C đối với Công ty TNHH Thương mại Thủy sản M về việc "Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính".

2. Buộc Công ty TNHH Thương mại Thủy sản M có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty C số tiền còn nợ tính đến ngày 17/02/2023 là 3.053.480.283 đồng (bằng chữ: ba tỷ, không trăm năm mươi ba triệu, bốn trăm tám mươi nghìn, hai trăm tám mươi ba đồng), trong đó: Nợ gốc 2.103.440.625 đồng (hai tỷ, một trăm linh ba triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn, sáu trăm hai lăm đồng), nợ lãi 527.075.653đ (năm trăm hai bảy triệu, không trăm bảy mươi lăm nghìn, sáu trăm năm ba đồng); tiền lãi chậm trả là 422.964.005đ (bốn trăm hai hai triệu, chín trăm sáu tư nghìn, không trăm không lăm đồng).

Kể từ ngày 18-02-2023, Công ty M còn phải thanh toán cho Công ty C tiền lãi phát sinh tính trên nợ gốc với các mức lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm thanh toán, lãi chậm trả theo thỏa thuận trong Hợp đồng cho thuê tài chính và các phụ lục kèm theo cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Trường hợp khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực, Công ty TNHH Thương mại Thủy sản Mkhông trả hoặc trả không đủ nợ thì Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease có quyến yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản toàn bộ tài sản cho thuê tài chính gồm: 01 Máy nén ChiaShing, model: VZ; 01 dàn ngưng tụ 640Kw; 04 tủ đông; 01 tủ điện điều khiển trung tâm; 02 máy nén Sanyo 10HP ; 02 dàn nóng Meluck 20HP; 02 dàn lạnh Supcool 20HP và tài sản thế chấp gồm: 01 dàn lạnh 70HP; 01 bầu chứa, thấp áp, trung gian và van chặn; 01 bơm dịch TEIKOKU.

Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mãi tài sản không đủ thanh toán nợ, buộc người bảo lãnh là ông Hoàng Văn Kh và bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Công ty C cho đến khi Công ty M thanh toán hết toàn bộ số tiền nợ.

3. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Buộc công ty M phải nộp 93.069.600đ (chín mươi ba triệu, không trăm sáu mươi chín nghìn, sáu trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho Công ty C số tiền 45.588.000đ (bốn mươi lăm triệu, năm trăm tám mươi tám nghìn đồng) đã nộp tiền tạm ứng

án phí dân sự sơ thẩm tại biên lai số 0006405 ngày 01/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Kh, bà L được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Hải Xuân;
- Cấp cho đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Hòe